

giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 03/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Nguyễn Phúc A (đã chết) và bà Đỗ Thị Th (đã chết); vợ là Nguyễn Thị Kim L sinh năm 1978 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 06-12-2002, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định đưa vào Cơ sở giáo dục (Quyết định số 3304/QĐ-UB ngày 27-9-2002, chấp hành xong ngày 28-11-2004).

- Ngày 22-6-2006, Tòa án nhân dân huyện Thông Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong án phạt tù ngày 13-12-2006).

- Ngày 29-12-2008, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong án phạt tù ngày 01-9-2010).

- Ngày 1-9-2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” để điều tra.

Bị bắt tạm giam từ ngày 07-10-2018, có mặt.

2. Trần Ngọc H, sinh năm 1982 tại tỉnh Phú Yên; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố 3, thị trấn E1, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông Trần Ngọc X1, sinh năm 1939 và bà Phan Thị Xết, sinh năm 1942; vợ là Nguyễn Thị P1, sinh năm 1985 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 07-10-2018, có mặt.

- *Những người tham gia tố tụng có kháng cáo và có liên quan đến kháng cáo:*
+ *Người bào chữa cho Nguyễn Mạnh T:*

Luật sư **Vũ Xuân H1** - Văn phòng Luật sư H1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên, có mặt.

+ *Người bị hại kháng cáo:*

1. Bà **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Khu phố 2, thị trấn H4, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, có mặt.

2. Anh **Nguyễn Gia T1**, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Khu phố 2, thị trấn H4, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, có mặt.

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:*

Luật sư **Lê Hồng D** - Văn phòng Luật sư D1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên, có mặt.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tổ 19, thôn P2, xã H7, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn E1, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Việt P1, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Số 111A, đường P2 phường B1, Quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Trường S, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Thôn 2, xã E2, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

5. Bà Trần Thị X, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Thôn P2, xã H7, huyện Đ, Phú Yên, vắng mặt.

6. Anh Trần Ngọc H2, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Thôn 3, xã D1, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

7. Anh Phan Quang V1, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 10, thị trấn E3, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

8. Ông Hồ Đức H3, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Số 52/21A đường HTK, Phường X3, Quận X4, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

9. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q - Chi nhánh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 27, đường N, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do ông Lê Mậu M - Chuyên viên làm đại diện (Giấy ủy quyền số 26443.19/GUQ ngày 21-5-2019), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Thùy V cùng làm thuê tại tiệm rửa xe của Trần Ngọc H ở huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng đầu tháng 8-2018, T rủ V đi cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên, V đồng ý. T lên mạng mua 01 bình xịt hơi cay, 01 roi điện về cất giấu tại tiệm rửa xe của H và đem xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, gắn biển kiểm soát 59L1-587.36 của T (mua qua mạng trước đó) xuống gửi tại Nhà giữ xe của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên. Sau đó, T nhiều lần nhờ H điều khiển xe ô tô chở T và V xuống Phú Yên. Trong thời gian này, T và V theo dõi, phát hiện hàng ngày vào buổi sáng bà Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Gia T1 thường mang tài sản từ nhà (khu phố 2, thị trấn H4, huyện Đ) đến hiệu vàng KYT ở khu phố 3, thị trấn H4, huyện Đ để bán, nên T và V thống nhất sẽ cướp tài sản của bà Y và anh T1. Sau khi về lại Đắk Lắk, Trưởng rủ H cùng đi cướp tài sản, H đồng ý. T, V và H thống nhất sẽ thực hiện việc cướp tài sản vào sáng ngày 19-8-2018.

Khoảng 23 giờ ngày 18-8-2018, H điều khiển xe ô tô hiệu Hyundai i10, biển kiểm soát 47A-219.58 chở T và V đi từ tỉnh Đắk Lắk về tỉnh Phú Yên. Khi đi, T mang theo bình hơi cay và roi điện bỏ trong 01 túi xách. Khoảng 04 giờ ngày 19-8-2018, H chở T và V đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên, V vào bãi giữ xe lấy xe mô tô 59L1-587.36 điều khiển đi cùng H và T đến phía Nam cầu H5 thì dừng xe nghỉ. Đến khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày, V điều khiển xe mô tô chở T ngồi sau mang theo bình hơi cay và roi điện, H điều khiển xe ô tô cùng đi vào hướng huyện Đ. Khi gần đến thị trấn H4, T nói H dừng xe ô tô đợi, V điều khiển xe mô tô chở T đi đến gần nhà bà Y để theo dõi. Khoảng 06 giờ 20 phút cùng ngày, phát hiện anh Nguyễn Gia T1 điều khiển xe mô tô Air Blade biển số 78G1-107.81 chở bà Nguyễn Thị Y ngồi sau ôm một thùng nhôm, trước бага xe để 01 túi xách. V chở T đi theo đến đường Lê Lợi (khu phố 2, thị trấn H4, huyện Đ) thì vượt lên

ép sát vào đầu xe của anh T1. T xuống xe dùng bình hơi cay xịt vào mặt anh T1, bà Y rồi dùng roi điện chích vào người bà Y làm xe mô tô, anh T1 và bà Y đều ngã xuống đường. T tiếp tục dùng roi điện chích vào người anh T1, bà Y rồi lấy thùng nhôm và túi xách (bên trong đựng tiền, vàng, bạc, card điện thoại, sổ sách, giấy tờ hóa đơn mua bán và 01 điện thoại di động), sau đó lên xe V chở chạy ra hướng Quốc lộ 1A rồi đi xuống Quốc lộ 29 gặp H. T đem thùng nhôm và túi xách lên xe ô tô đi cùng H, còn V điều khiển xe mô tô đi đến khu vực rừng Dương (thôn U, xã H6, huyện Đ), đỗ xăng đốt xe mô tô rồi lên xe ô tô H chở về lại tỉnh Đắk Lắk.

Trên đường đi, T lấy tiền trong ngăn giữa túi xách ra đếm được 260.000.000 đồng và 10 USD. Sổ vàng, bạc để trong túi xách và để trong thùng nhôm, T không đếm mà lấy bỏ vào một cái túi xách đã chuẩn bị từ trước. Riêng số tiền 101.850.000 đồng bà Y để ở ngăn bên hông túi xách, T không phát hiện nên không lấy. T bỏ các sổ sách, giấy tờ hóa đơn mua bán và card điện thoại, điện thoại di động vào lại trong túi xách rồi nói H dừng xe, T và V đem túi xách và thùng nhôm vứt tại khu vực thôn H6, xã S1, huyện S2, tỉnh Phú Yên. Khi về đến Đắk Lắk, T đưa số tiền cướp được cho H cất giữ. Đối với số bạc, T mua bình ga mini và bộ khô về khô thành cục nhưng không được, nên đem giấu tại nhà Nguyễn Đắc Vĩnh Tr ở số 113/2 đường Ph, Phường X1, Quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh (khi phát hiện thu giữ tổng cộng 30 lượng bạc). Đối với số vàng, T đem giấu sau nhà nghỉ bỏ hoang của anh Phan Quang V1 ở thị trấn E1, huyện E, tỉnh Đắk Lắk rồi liên lạc với Thái (chưa xác định được nhân thân, lai lịch), trú tại Thành phố Hồ Chí Minh nhờ bán. Thái và T thỏa thuận Thái lấy 12% trên tổng số tiền bán vàng. Sau đó, T ba lần đem vàng vào Thành phố Hồ Chí Minh đưa cho Thái bán được 750.400.000 đồng, Thái lấy 80.400.000 đồng, còn lại 670.000.000 đồng, T chia cho H và V.

- *Tại Bản kết luận định giá tài sản số 3037/STC-QL-CS ngày 24-9-2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Phú Yên kết luận:*

Túi xách: 175.000 đồng; thùng nhôm: 210.000 đồng; 05 tờ loại 02 USD: 233.350 đồng; điện thoại di động Trung Quốc kiểu Vertu: 245.000 đồng; card điện thoại: 14.000.000 đồng; bạc định giá theo lời khai bị hại: 28.000.000 đồng; vàng định giá theo lời khai bị hại: 2.207.371.000 đồng. Tổng cộng: 2.250.234.350 đồng.

Quá trình điều tra xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.148.113.350 đồng, cụ thể:

+ **Đối với số tiền:** Bà Nguyễn Thị Y khai bị cướp khoảng 400.000.000 đồng, quá trình điều tra xác định tiền T lấy trong ngăn giữa túi xách ra đếm được 260.000.000 đồng và 101.850.000 đồng bà Y để riêng ở ngăn nhỏ bên hông túi xách, mục đích để sáng ngày 19-8-2018 trả tiền mua vàng thô đã đặt trước tại tiệm vàng TL (đã xác minh phù hợp lời khai bà Y). T không kiểm tra ngăn nhỏ bên hông túi xách, không phát hiện, nên đã vứt bỏ cùng túi xách. Do đó, xác định số tiền bị chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Y là **361.850.000 đồng**.

+ **Đối với số Vàng:** Bà Nguyễn Thị Y khai, tổng giá trị vàng đã được định giá là 2.207.371.000 đồng, nhưng bà Y không cung cấp được hóa đơn chứng từ chứng minh. Quá trình mua bán, bà Y không ghi sổ sách, không có hóa đơn nhập

hàng, xuất hàng nên chỉ ước lượng. Sau khi cướp, các bị cáo cũng không kiểm đếm nên không biết số lượng chính xác. Số vàng này, T cất giấu rồi nhờ Thái bán, số tiền bán được T nói lại cho V và H biết là 750.400.000 đồng. Do đó, giá trị vàng bị chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Y được tính số tiền thực tế đã bán là **750.400.000 đồng**.

+ **Đối với số Bạc:** Bà Nguyễn Thị Y khai bạc bị cướp khoảng 40 lượng, nhưng bà Y không cung cấp được hóa đơn chứng từ chứng minh. Quá trình mua bán, bà Y không ghi sổ sách, không có hóa đơn nhập hàng, xuất hàng nên chỉ ước lượng. Đối với số bạc này, T khai sau khi cướp được, T mua dụng cụ về kho thành cục để bán nhưng không được, nên đem cất giấu và bị thu giữ tổng cộng là 30 lượng. Do đó, xác định 30 lượng x 700.000/lượng = **21.000.000 đồng**.

+ **Đối với card điện thoại:** Bà Nguyễn Thị Y khai ngoài mua, bán vàng bạc, còn mua bán card điện thoại. Bà Y đã thống kê số card điện thoại và xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 14.000.000 đồng. Các bị cáo khai, khi kiểm tra túi xách thấy rất nhiều card điện thoại chưa sử dụng, nhưng sợ bị phát hiện, nên bỏ lại toàn bộ vào túi xách và vứt bỏ. Do đó, xác định giá trị số card điện thoại bị chiếm đoạt là **14.000.000 đồng**.

+ **Đối với các tài sản khác:** Túi xách: 175.000 đồng; thùng nhôm: 210.000 đồng; 10 USD: 233.350 đồng; điện thoại di động Trung Quốc kiểu Vertu: 245.000.000 đồng. Tổng cộng là **863.350 đồng**.

- *Tại Bản kết luận giám định số 212/GĐ-PC09 ngày 27-8-2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận:*

Xe mô tô hiệu Sirius, gắn biển kiểm soát 59L1-587.36, qua giám định số khung số máy nguyên thủy của xe là RLCS5C441-DY058057; 5C641058076, biển số đăng ký 47D1-171.01.

- *Tại các Bản kết luận giám định về thương tích số 245/TgT và số 264/TgT cùng ngày 29-8-2018, Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận:*

Bà Nguyễn Thị Y bị thương tích, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 04%; anh Nguyễn Gia T1 bị thương tích, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 07%.

- *Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HSST ngày 29-5-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên:*

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo T, V, H; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo T, H; áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo H; áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo T.

- Xử phạt: **Nguyễn Mạnh T** tù **Chung thân** về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-10-2018.

- Xử phạt: **Nguyễn Thùy V** 20 (**hai mươi**) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-10-2018.

- Xử phạt: **Trần Ngọc H** 14 (**mười bốn**) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-10-2018.

2. Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 585, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Thùy V và Trần Ngọc H phải liên đới tiếp tục bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Gia T1 số tiền 927.113.350 đồng (chín trăm hai mươi bảy triệu một trăm mười ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường theo phần ngang nhau cho người bị hại là: 309.037.783 đồng (ba trăm lẻ chín triệu không trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng).

+ Bị cáo Trần Ngọc H đã bồi thường 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), còn phải tiếp tục bồi thường 59.037.783 đồng (năm mươi chín triệu không trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng).

+ Bị cáo Nguyễn Mạnh T đã bồi thường 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), còn phải tiếp tục bồi thường 299.037.783 đồng (hai trăm chín mươi chín triệu không trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng).

- Tiếp tục tạm giữ xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 47A-245.02 là tài sản chung của Trần Ngọc H và vợ là chị Nguyễn Thị P để đảm bảo thi hành án. Nếu Trần Ngọc H hoặc gia đình bị cáo bồi thường đủ phần của bị cáo và các khoản nghĩa vụ khác trong quyết định bản án đã tuyên thì trả lại xe cho vợ chồng bị cáo.

- Tuyên trả cho bị hại số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) mà bị cáo Trần Ngọc H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị P đã nộp khắc phục, gồm:

+ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) do Nguyễn Ngọc Lân nộp vào tài khoản số 394909040469 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên ngày 07-11-2018.

+ 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) do Nguyễn Ngọc Lân nộp vào tài khoản số 394909040469 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên ngày 24-12-2018.

- Giành cho bà Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Gia T1 được quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác đối với khoản tiền chênh lệch 1.569.784.320 đồng (2.717.897.670 đồng - 1.148.113.350 đồng) khi người bị hại có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 03-6-2019, Nguyễn Mạnh T kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 11-6-2019, bà Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Gia T1 kháng cáo về phân trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mạnh T; giữ nguyên bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận

kháng cáo của các bị hại là bà Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Gia T1; sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự: buộc các bị cáo Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Thùy V và Trần Ngọc H liên đới bồi thường cho các bị hại số tiền 2.630.000.000 đồng; chia theo phần: Nguyễn Mạnh T phải bồi thường 950.000.000 đồng, Nguyễn Thùy V phải bồi thường 850.000.000 đồng, Trần Ngọc H phải bồi thường 830.000.000 đồng; tuyên trả vật chứng là thùng nhôm và các khay nhôm cho bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo và bị cáo Nguyễn Mạnh T cho rằng: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả (bồi thường 10.000.000 đồng); ngoài ra, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính và đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích của bị hại cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm thiếu khách quan, không đánh giá toàn diện các chứng cứ, áp dụng pháp luật không đầy đủ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, do đó đề nghị:

- Xác định lại giá trị tài sản bị chiếm đoạt và yêu cầu các bị cáo phải bồi thường là 2.630.000.000 đồng (gồm tài sản bị chiếm đoạt và tiền mất thu nhập hàng tháng do không kinh doanh được).
- Xác định rõ trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại.
- Yêu cầu được nhận lại vật chứng gồm 01 thùng nhôm và 04 khay nhôm đặt bên trong thùng nhôm để phục vụ cho công việc làm ăn, buôn bán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Thùy V bàn bạc, thống nhất đi cướp tài sản. Sau nhiều lần quan sát, theo dõi, chọn địa điểm, T đã chuẩn bị công cụ, phương tiện là bình xịt hơi cay và roi điện và rủ Trần Ngọc H cùng thực hiện. Khoảng 06 giờ 20 phút ngày 19-8-2018, H ngồi trên xe ô tô đời, còn V điều khiển xe mô tô chở T áp sát xe mô tô của anh Nguyễn Gia T1 đang điều khiển chở mẹ là bà Nguyễn Thị Y rồi T dùng bình hơi cay xịt vào mặt và dùng roi điện chích vào người bà Y và anh T1 làm cả hai ngã xuống đường, sau đó T nhanh chóng chiếm đoạt một thùng nhôm và một túi xách (bên trong đựng vàng, bạc, tiền, card điện thoại, điện thoại di động).

Tòa án cấp sơ thẩm xác định Nguyễn Mạnh T cùng đồng phạm thực hiện hành vi xịt hơi cay và chích điện làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt của người bị hại, với tổng giá trị tài sản là 1.148.113.350 đồng, từ đó kết án các bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Ngày 03-6-2019, Nguyễn Mạnh T kháng cáo xin giảm hình phạt; ngày 11-6-2019, bà Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Gia T1 kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng. Đơn kháng cáo của bị cáo và đơn kháng cáo của các bị hại là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra

xét xử phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mạnh T và kháng cáo của bị hại (bà Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Gia T1):

[2.1]. Đối với kháng cáo của Nguyễn Mạnh T:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyễn Mạnh T cho rằng, để có tiền tiêu xài cá nhân, cả ba (T, Nguyễn Thùy V và Trần Ngọc H) cùng bàn bạc đi cướp tài sản. Sau khi thống nhất thời gian, địa điểm và đối tượng chiếm đoạt, T mang theo bình xịt hơi cay và roi điện mà T mua trước đó rồi được H sử dụng xe ô tô chở T và V từ Đắk Lắk về Phú Yên. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, T nhờ Thái ở Thành phố Hồ Chí Minh bán vàng được 750.400.000 đồng. Số tiền bán vàng và số tiền cướp được T đã đưa hết cho H giữ và H đã sử dụng số tiền này để mua xe ô tô, T chưa được ăn chia số tiền đã chiếm đoạt. Do đó, bị cáo cho rằng mình không phải là người chủ mưu, khởi xướng; đồng thời, bị cáo khẳng định số tiền, tài sản chiếm đoạt được đúng như lời khai của bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử buộc Trần Ngọc H phải trả lại toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt cho bị hại.

Tuy nhiên, căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để kết luận: Nguyễn Mạnh T là người chủ mưu, khởi xướng và trực tiếp thực hiện tội phạm. Để chuẩn bị công cụ, phương tiện cho việc gây án, bị cáo đã lên mạng xã hội đặt mua 01 bình xịt hơi cay, 01 roi điện và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, gắn biển kiểm soát 59L1-587.36. Sau đó, bị cáo nhiều lần quan sát, theo dõi, chọn địa điểm và khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người trực tiếp xịt hơi cay, chích roi điện vào bị hại, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản, sau đó chủ động tiêu thụ tài sản, chia tiền chiếm đoạt cho các bị cáo khác. Vì vậy, bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án.

Hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội; trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác; gây dư luận xấu trong nhân dân và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu (ngày 31-5-2012, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 70 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; ngày 29-01-2013, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”), chưa được xóa án tích, lại tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Mặc dù, sau khi bị bắt, bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); gia đình bị cáo có công với cách mạng, là thân nhân thờ liệt sỹ và thuộc hộ nghèo, nhưng với hành vi phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo tù chung thân về tội “Cướp tài sản” là tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới; đồng thời, để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, cần phải xử phạt bị cáo một hình phạt thật nghiêm khắc, có như vậy mới đáp

ứng được công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tại địa phương.

Như vậy, kháng cáo của bị cáo đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. Đối với kháng cáo của bị hại là bà Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Gia T1:

- Đối với nội dung xác định lại giá trị tài sản bị chiếm đoạt và yêu cầu các bị cáo phải bồi thường là 2.717.879.670 đồng (gồm tài sản bị chiếm đoạt và tiền mất thu nhập hàng tháng do không kinh doanh được):

+ Đối với số tiền bị chiếm đoạt:

Bà Nguyễn Thị Y khai bị chiếm đoạt khoảng 400.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định Nguyễn Mạnh T lấy tiền ở ngăn giữa túi xách ra đếm được 260.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 101.850.000 đồng, bà Y để riêng ở ngăn nhỏ bên hông túi xách, mục đích để sáng ngày 19-8-2018 trả tiền mua vàng thô đã đặt trước tại tiệm vàng TL (đã xác minh phù hợp lời khai bà Y), các bị cáo không kiểm tra ngăn nhỏ bên hông túi xách, không phát hiện nên đã vứt bỏ cùng túi xách. Do đó, có căn cứ để xác định số tiền bà Nguyễn Thị Y bị chiếm đoạt là **361.850.000 đồng**.

+ Đối với số vàng, bạc bị chiếm đoạt:

Bà Nguyễn Thị Y khai, tổng giá trị vàng bị chiếm đoạt đã được định giá là 2.207.371.000 đồng, tổng số bạc bị chiếm đoạt khoảng 40 lượng. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Y không cung cấp được hóa đơn chứng từ chứng minh; mặt khác, quá trình kinh doanh, bà Y không ghi sổ sách, không có hóa đơn nhập, xuất hàng mà chỉ ước lượng. Ngoài ra, sau khi chiếm đoạt được tài sản, các bị cáo cũng không kiểm đếm, nên không biết số lượng chính xác. Đối với số vàng, T cất giấu rồi nhờ Thái (không xác định được nhân thân, lai lịch) bán, số tiền bán được T nói lại cho Nguyễn Thùy V và Trần Ngọc H biết là 750.400.000 đồng. Đối với số bạc, T mua dụng cụ về kho thành cục để bán nhưng không được, nên đem cất giấu và Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ tổng cộng là 30 lượng. Do đó, chỉ có cơ sở xác định giá trị vàng mà bà Y bị chiếm đoạt được tính số tiền thực tế đã bán là **750.400.000 đồng**, giá trị bạc mà bà Y bị chiếm đoạt là 30 lượng x 700.000/lượng = **21.000.000 đồng**.

+ Đối với card điện thoại và các tài sản khác:

Bà Nguyễn Thị Y khai ngoài mua, bán vàng bạc còn mua bán card điện thoại, bà Y đã thống kê số card điện thoại và xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 14.000.000 đồng. Các bị cáo khai, khi kiểm tra túi xách thấy rất nhiều card điện thoại chưa sử dụng, nhưng sợ bị phát hiện, nên bỏ lại toàn bộ vào túi xách và vứt bỏ. Các tài sản khác gồm: Túi xách: 175.000 đồng; thùng nhôm: 210.000 đồng; 10 USD: 233.350 đồng; điện thoại di động Trung Quốc kiểu Vertu: 245.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở để xác định giá trị số card điện thoại bị chiếm đoạt là **14.000.000 đồng** và các tài sản khác có giá trị là **863.350 đồng**.

Do không có cơ sở để chấp nhận lời khai của bà Nguyễn Thị Y, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng số tài sản mà bà Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Gia T1 bị chiếm đoạt là **1.148.113.350 đồng** và giành cho bà Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn

Gia T1 được quyền khởi kiện vụ án dân sự đối với số tiền chênh lệch 1.569.784.320 đồng (2.717.879.670 đồng - 1.148.113.350 đồng) là có căn cứ, đúng pháp luật. Như vậy, nội dung kháng cáo này của bị hại, đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có căn cứ để chấp nhận.

- Đối với nội dung liên đới bồi thường thiệt hại:

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các Điều 585, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự, buộc Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Thùy V và Trần Ngọc H phải tiếp tục liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 927.113.350 đồng, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường theo phần ngang nhau là 309.037.783 đồng, nhưng không buộc các bị cáo “Thực hiện nghĩa vụ liên đới” đối với nghĩa vụ bồi thường thiệt hại là thiếu sót. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo này và áp dụng thêm khoản 1 Điều 288 của Bộ luật Dân sự để buộc các bị cáo “Thực hiện nghĩa vụ liên đới”.

- Đối với nội dung xử lý vật chứng:

Bà Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Gia T1 cho rằng 01 thùng nhôm và 04 khay nhôm là vật dụng để phục vụ cho công việc làm ăn, buôn bán nên mong muốn được nhận lại. Xét thấy, số vật chứng này vẫn còn giá trị sử dụng và đề nghị của bị hại là chính đáng, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo này.

Như vậy, các nội dung kháng của bị hại đã được Hội đồng xét xử xem xét và chỉ có căn cứ chấp nhận một phần.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí:

- Do kháng cáo không được chấp nhận, nên Nguyễn Mạnh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Người bị hại kháng cáo phần quyết định về dân sự và được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần, nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Mạnh T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HSST ngày 29-5-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên về phần Trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Mạnh T.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại (bà Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Gia T1); sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HSST ngày 29-5-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên về phần Trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại và phần xử lý vật chứng.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51;

điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử Phạt: **Nguyễn Mạnh T** tù **Chung thân** về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07-10-2018;

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 288, 585, 587, 588 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc các Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Thùy V và Trần Ngọc H phải liên đới tiếp tục bồi thường cho bị hại là bà Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Gia T1 số tiền 927.113.350 đồng (chín trăm hai mươi bảy triệu một trăm mười ba nghìn ba trăm năm mươi đồng), cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường theo phần ngang nhau cho bị hại là 309.037.783 đồng (ba trăm lẻ chín triệu không trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng), trong đó:

+ Nguyễn Mạnh T đã bồi thường 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), còn phải tiếp tục bồi thường 299.037.783 đồng (hai trăm chín mươi chín triệu không trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng).

+ Trần Ngọc H đã bồi thường 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), còn phải tiếp tục bồi thường 59.037.783 đồng (năm mươi chín triệu không trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng).

- Tiếp tục tam giữ xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 47A-245.02 (là tài sản chung của Trần Ngọc H và vợ là chị Nguyễn Thị P) để đảm bảo thi hành án. Nếu Trần Ngọc H thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường và nghĩa vụ liên đới thì trả lại xe ô tô nêu trên cho vợ chồng bị cáo.

- Tuyên trả cho bị hại số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) mà Trần Ngọc H và vợ là chị Nguyễn Thị P đã nộp khắc phục, gồm:

+ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), do Nguyễn Ngọc Lân nộp vào tài khoản số 394909040469 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên ngày 07-11-2018.

+ 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) do Nguyễn Ngọc Lân nộp vào tài khoản số 394909040469 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên ngày 24-12-2018.

- Giành cho bà Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Gia T1 được quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác đối với khoản tiền chênh lệch là 1.569.784.320 đồng (2.717.897.670 đồng - 1.148.113.350 đồng), khi bị hại có yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Gia T1 01 (một) thùng nhôm và 04 (bốn) khay nhôm đặt bên trong thùng nhôm (có đặc điểm mô tả như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16-4-2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên).

5. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nguyễn Mạnh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Gia T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho:

+ Bà Nguyễn Thị Y số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013118 ngày 28-6-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

+ Anh Nguyễn Gia T1 số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013119 ngày 28-6-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

6. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
 - TANDTC - Vụ I;
 - VKSND tỉnh Phú Yên;
 - VKSNDCC tại Đà Nẵng;
 - Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Phú Yên;
 - Trại Tạm giam Công an tỉnh Phú Yên
- (04 bản, để giao cho T, V và H mỗi bị cáo 01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
 - Cục THA dân sự tỉnh Phú Yên;
 - Bị hại (theo đ/chỉ nêu trên);
 - Lưu: H/sơ vụ án, các phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường